

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Trần Thị Yến Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lại Thị L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ 5, Ấp Th, xã P3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Phan Hồng H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 5, Ấp Th, xã P3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phan Thị Lê TR, sinh năm 1997

2. Anh Phan Tường V, sinh năm 2000

3. Anh Phan Hồng P, sinh năm 2006

Cùng địa chỉ: Tổ 5, Ấp Th, xã P3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của anh P: Ông Phan Hồng H.

4. Anh Đặng Ngọc A, sinh năm 1988,

5. Anh Đặng Đình X, sinh năm 1990,

6. Anh Đặng Văn S, sinh năm 1993,

7. Chị Đặng Thị Kim A1, sinh năm 1994,

8. Chị Đặng Thị Hải A2, sinh năm 1996,

9. Chị Đặng Thị Thanh TR1, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: Tổ 5, Ấp Th, xã P3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

10. Bà Lê Thị P1, sinh năm 1939

Địa chỉ: Thôn 5, xã K, huyện L1, tỉnh Bình Thuận.

11. Bà Trần Thị N, sinh năm 1925

Địa chỉ: Tô 5, Ấp Th, xã P3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, ông H, anh A, anh X, anh S, chị A1, chị A2, chị TR1, bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị TR, anh V, anh P, bà P1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2021 và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Phan Hồng H, bà Nguyễn Thị L4 là hàng xóm với nhau nên quen biết nhau từ trước. Trong năm 2019 bà có cho ông H, bà L4 mượn tiền, vào ngày 24/7/2019 ông Phan Hồng H, bà Nguyễn Thị L4 viết giấy xác nhận nợ bà số tiền 200.000.000 đồng và hẹn đến ngày 24/7/2020 sẽ trả cho bà số tiền vay còn nợ, trong giấy vay tiền không thỏa thuận tiền lãi, mục đích ông H, bà L4 vay tiền để chăn nuôi heo.

Đến tháng 11/2019 thì ông H có trả được cho bà số tiền 30.000.000 đồng, sau đó thì không còn trả thêm cho bà số tiền nào nữa, bà yêu cầu nhiều lần thì đến ngày 29/8/2020 ông H có trả cho bà được 2.000.000 đồng. Hiện nay số tiền ông H còn nợ bà số tiền 168.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L4 vợ của ông Phan Hồng H đã mất vào ngày 26/9/2019. Nay bà yêu cầu ông Phan Hồng H và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L4 gồm chị Phan Thị Lê TR, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P, bà Lê Thị P1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà L số tiền vay còn nợ là 168.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông H và hàng thừa kế thứ nhất của bà L4 gồm chị Phan Thị Lê TR, Phan Tường V, Phan Hồng P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà số tiền vay còn nợ là 198.000.000 đồng, nay bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà chỉ yêu cầu thanh toán số tiền vay còn nợ là 168.000.000 đồng, bà xin rút số tiền 30.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 22/11/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2021 bị đơn ông Phan Hồng H trình bày:

Ông và bà Lại Thị L có mối quan hệ hàng xóm với nhau, bắt đầu khoảng từ năm 2012 vợ chồng ông bắt đầu mượn tiền của bà L để phát triển kinh tế trong gia đình (Như nuôi heo, xây dựng chuồng trại...). Vay tiền nhiều lần, số tiền cụ thể bao nhiêu thì không thể nhớ được, tiền vay trả lãi hàng tháng, khi có tiền thì trả trước tiền vay gốc cho bà L, hàng năm thì viết lại cho bà L giấy mượn tiền mới.

Vào ngày 24/7/2019 hết thời hạn trả tiền cho bà L thì ông có viết giấy có nội dung ông và vợ là Nguyễn Thị L4 có mượn của bà Lại Thị L số tiền 200.000.000 đồng đến ngày 24/7/2020 sẽ trả cho bà L số tiền vay nói trên, trong giấy không thể hiện tiền lãi nhưng các bên có thỏa thuận bên ngoài là lãi 3%/01 tháng, giấy ghi hôm nay ngày 24/7/2019 là do ông viết, sau khi viết giấy xong

thì vợ chồng ông có ký và ghi rõ họ tên vào giấy ông đã viết nêu trên, chữ ký và ghi rõ họ tên Phan Hồng H là của ông ký và viết ra, vợ ông là Nguyễn Thị L4 cũng ký tên và viết rõ họ tên Nguyễn Thị L4.

Đến tháng 9/2019 thì vợ ông là bà Nguyễn Thị L4 qua đời, trước khi mất bà L4 không để lại di chúc, ông và bà L4 có 03 con chung là Phan Thị Lệ TR, sinh năm 1997, Phan Tường V, sinh năm 2000 và Phan Hồng P, sinh năm 2006 ngoài ra bà L4 không có con riêng và ông và bà L4 cũng không nhận con nuôi nào khác. Bố mẹ đẻ của bà L4 gồm bà Lê Thị P1, địa chỉ: Thôn 5, Huy Khiêm, Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận và Nguyễn Học (ông Học đã chết vào năm 2000). Ngoài ra bà L4 không có người thừa kế nào khác.

Vào tháng 11/2019 thì con gái ông là Phan Thị Lệ TR có mang 30.000.000 đồng trả cho bà L nhưng và bà L lại nói đó là tiền lãi nên bà L trừ vào tiền lãi không trừ vào tiền vay gốc (Các bên không có viết giấy biên nhận tiền nên ông không có tài liệu chứng cứ, chứng minh để cung cấp cho Tòa án đối với số tiền 30.000.000 đồng mà con ông đã đưa cho bà L), tiếp tục đến ngày 29/8/2020 thì ông tiếp tục trả cho bà L số tiền vay gốc còn nợ là 2.000.000 đồng. Ngoài ra ông không trả được cho bà L số tiền nào khác.

Nay Bà Lại Thị L yêu cầu ông và hàng thừa kế thứ nhất của bà L4 gồm chị Phan Thị Lệ TR, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P, bà Lê Thị P1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà L số tiền vay còn nợ là 198.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi, thì ông chỉ thừa nhận còn nợ lại bà L số tiền 168.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Ngọc A, anh Đặng Văn X, anh Đặng Văn S, chị Đặng Thị Kim A1, chị Đặng Thị Hải A2, chị Đặng Thị Thanh TR1 và bà Trần Thị N cùng thống nhất trình bày: Anh A, anh X, anh S, chị A1, chị A2, chị TR1 và bà N là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đặng Văn Nông (ông Nông là chồng bà L mất năm 2019), số tiền bà L khởi kiện ông Phan Hồng H 198.000.000 đồng là tài sản riêng của bà Lại Thị L không có liên quan đến ông Đặng Văn Nông, vì vậy đề nghị Tòa án không buộc ông H và hàng thừa kế thứ nhất của bà L4 phải có trách nhiệm trả số tiền nêu trên cho anh A, anh X, anh S, chị A1, chị A2, chị TR1 và bà N, nếu Tòa án xác định đó là tài sản chung của bà L, ông Nông thì anh A, anh X, anh S, chị A1, chị A2, chị TR1 và bà N sẽ được hưởng phần thừa kế của ông Nông thì cũng đồng ý nhường kỹ phần lại cho bà L, buộc ông H hàng thừa kế thứ nhất của bà L4 phải có trách nhiệm thanh toán cho một mình bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P1 trình bày:

Bà là mẹ của chị Nguyễn Thị L4 (Chị L4 là vợ của ông Phan Hồng H nhưng đã mất năm 2019), chồng bà là ông Nguyễn Học nhưng đã mất năm 2000. Bà không biết việc vợ chồng ông H mượn tiền của ai, bao nhiêu và từ thời gian nào. Hiện nay bà Lại Thị L khởi kiện yêu cầu bà có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà L số tiền 198.000.000 đồng thì bà không đồng ý, vì từ trước đến nay bà sống cùng con trai út, đã già yếu, vợ chồng ông H mượn tiền của ai sử dụng để làm gì thì bà không biết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Lê TR, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P, bà Lê Thị P1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Phan Hồng H và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L4 gồm chị Phan Thị Lê TR, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P, bà Lê Thị P1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà L số tiền vay còn nợ là 168.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 30.000.000 đồng của nguyên đơn bà Lại Thị L.

- Về án phí: Bị đơn và chị Phan Thị Lê TR, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P, bà Lê Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phan Hồng H có nơi cư trú tại xã P3, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng: Bà Lại Thị L khởi kiện với nội dung yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 168.000.000 đồng; chị Phan Thị Lê TR, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P, bà Lê Thị P1 là hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị L4 (Bà L4 là vợ của ông H mất năm 2019), anh Đặng Ngọc A, anh Đặng Đình X, anh Đặng Văn S, chị Đặng Thị Kim A1, chị Đặng Thị Hải A2, chị Đặng Thị Thanh TR1, bà Trần Thị N là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đặng Văn Nông (Ông Nông là chồng của bà Lại Thị L mất năm 2019).

Vì vậy, căn cứ theo khoản 3, Điều 26, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**” và xác định bà L là nguyên đơn; ông H là bị đơn; chị Phan Thị Lê TR, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P, bà Lê Thị P1, anh Đặng Ngọc An, anh Đặng Đình X, anh Đặng Văn S, chị Đặng Thị Kim A1, chị Đặng Thị Hải Ân, chị Đặng Thị Thanh TR1, bà Trần Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự giữa các đương sự ký kết tại “giấy vay tiền” đề ngày 24/7/2019. Ngày 11/11/2021, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có anh An, anh X, anh S, chị A1, chị A2, chị TR1 và bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị TR, anh V, anh P, bà P1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay là 168.000.000 đồng.

Xét thấy: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy có nội dung vay tiền đề ngày 24/7/2019, nội dung thể hiện ông Phan Hồng H, bà Nguyễn Thị L4 có vay của bà Lại Thị L số tiền 200.000.000 đồng, hạn đến ngày 24/7/2020 sẽ trả tiền cho bà L. Ông Phan Hồng H và vợ là bà Nguyễn Thị L4 đã ký, ghi rõ họ tên vào giấy có nội dung vay tiền của bà L. Hiện nay vợ chồng ông H vẫn chưa trả hết tiền cho bà L là đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

[2.2]. Tại bản tự khai ngày 22/11/2021 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/11/2021 ông H thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền của bà L vào ngày 24/7/2019 ông viết giấy vay tiền cho bà L, nội dung vay tiền đề ngày 24/7/2019 thể hiện vợ chồng ông có vay của bà L 200.000.000 đồng hạn đến ngày 24/7/2020 sẽ trả cho bà L số tiền đã vay, sau khi viết giấy xong thì vợ chồng ông đã ký và ghi rõ họ tên vào giấy ông đã viết, ông khẳng chữ ký và ghi rõ họ tên Phan Hồng H là của ông ký và viết ra, vợ ông là Nguyễn Thị L4 cũng ký tên và ghi rõ họ tên Nguyễn Thị L4. Kể từ khi viết giấy vay tiền cho bà L cho đến nay vợ chồng ông đã trả được cho bà L số tiền 32.000.000 đồng, còn nợ lại bà L số tiền 168.000.000 đồng, hiện nay vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa trả được cho bà L số tiền còn nợ là 168.000.000 đồng.

[2.3] Như vậy, giữa bà L và vợ chồng ông H có sự xác lập giao dịch vay mượn tiền với nhau là hoàn toàn có thật, các bên đã thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Khi đến hạn trả nợ vợ chồng ông H không trả tiền cho bà L, mặc dù bà L đã yêu cầu nhiều lần, là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết. Xét yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ và phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về hàng thừa kế thứ nhất của ông Đặng Văn Nông và bà Nguyễn Thị L4: Ông Nông mất ngày 09/8/2019, bà L4 mất ngày 26/9/2019, căn cứ vào biên bản xác minh tại Công an xã Phú Thanh, biên bản xác minh trường ấp Thọ Lâm 2 cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, biên bản lấy lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định được những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nông gồm: Anh Đặng Ngọc An, anh Đặng Đình X, anh Đặng Văn S, chị Đặng Thị Kim A1, chị Đặng Thị Hải A2, chị Đặng Thị Thanh TR1, bà Trần Thị N, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị L4 gồm: Chị Phan Thị Lê TR, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P, bà Lê Thị P1.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Bà Nguyễn Thị L4, ông Phan Hồng H là người trực tiếp ký giấy vay tiền của bà L, hiện nay ông H cũng thừa nhận vợ chồng ông còn nợ bà L số tiền 168.000.000 đồng. Bà L4 chết và không có căn cứ nào thể hiện việc bà L4 có để lại di chúc, người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L được xác định là ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lê TR, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P, bà Lê Thị P1. Hiện tại chị Phan Thị Lê TR, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P, bà Lê Thị P1 cũng không có văn bản từ chối quyền thừa kế tài sản của bà L4. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự, những người thừa kế theo pháp luật của bà L4 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi tài sản do người chết để lại, do đó cần buộc chị Phan Thị Lê TR, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P, bà Lê Thị P1 liên đới cùng với ông Phan Hồng H trả toàn bộ tiền nợ gốc cho bà L trong phạm vi tài sản mà bà L4 để lại tương ứng với số tiền nợ là 168.000.000 đồng.

[5] Căn cứ các chứng cứ tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và xác minh thể hiện bà Nguyễn Thị L4 chết có để lại tài sản:

Qua xác minh thể hiện: Bà Nguyễn Thị L4 và ông Phan Hồng H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 249, tờ bản đồ số 16, diện tích 4.428m²; địa chính xã P3, huyện T; do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú cấp ngày 02/4/2013; số giấy chứng nhận BN 128887; Thửa đất này, kể từ khi bà L4, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay không đăng ký biến động vẫn giữ nguyên hiện trạng. Hiện nay ông H và các con vẫn đang sinh sống trên thửa đất nêu trên.

Từ phân tích nêu trên, bà L yêu cầu những người kế thừa quyền nghĩa vụ tài sản của bà Nguyễn Thị L4 phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Nguyễn Thị L4 chết để lại có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nông gồm: Anh Đặng Ngọc A, anh Đặng Đình X, anh Đặng Văn S, chị Đặng Thị Kim A1, chị Đặng Thị Hải A2, chị Đặng Thị Thanh TR1, bà Trần Thị N xác định đối với số tiền bà L khởi kiện ông H là tài sản riêng của bà L, nếu Tòa án xác định đó là tài sản chung của bà L và ông Nông thì những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nông cũng đồng ý nhường kỹ phần lại cho bà L, xét thấy ý kiến của hàng thừa kế thứ nhất của ông Nông là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, do đó, Hội đồng xét xử quyết định buộc ông H và hàng thừa kế thứ nhất của bà L4 có trách nhiệm trả cho một mình bà L số tiền 168.000.000 đồng.

[7] Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, chị TR, anh V, anh P phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền vay còn nợ là 198.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, ngày 18/8/2022, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà L rút số tiền 30.000.000 đồng đối với ông H, chị TR, anh V, anh P, bà P1. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với số tiền bà L rút là 30.000.000 đồng; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác. Bà L không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông H, chị TR, anh V, anh P, bà P1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bà L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng, án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 95, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 267 và Điều 271, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 615 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Lại Thị L đối với ông Phan Hồng H và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị L4.

Buộc ông Phan Hồng H và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị L4 gồm chị Phan Thị Lê TR, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P, bà Lê Thị P1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Lại Thị L số tiền ông H, bà L4 đã vay là 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Chị Phan Thị Lê TR, anh Phan Tường V, anh Phan Hồng P, bà Lê Thị P1 chỉ phải trả khoản nợ này trong phạm vi giá trị di sản mà bà Nguyễn Thị L4 chết để lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ xét xử đối với số tiền khởi kiện là 30.000.000 đồng. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

Ông Phan Hồng H, chị Phan Thị Lê TR, anh Phan Tường V, bà Lê Thị P1, anh Phan Hồng P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bà Lại Thị L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Đại